

Bản án số: 202/2021/DS - ST

Ngày: 19/11/2021

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Đinh Tình Thanh Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 718/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3380/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 4405/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thông báo dời ngày xét xử số 4464/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4675/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thu H; Địa chỉ: 91/2 Đường T, Phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Phương P đại diện theo giấy ủy quyền ngày 29 tháng 9 năm 2020 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thanh H, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH U; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà A, 76A đường L, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Woo Kyung S – Giám đốc đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Phòng 2103, lầu 21, Cao ốc S, Sài Gòn P, 92 đường N, Phường H, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiên tòa có mặt bà P vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 9 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/8/2019, qua tìm hiểu bà Lâm Thu H biết được Công ty TNHH U (sau đây gọi là Cty U) có đưa người đi lao động nước ngoài, nên đã tiến hành đặt cọc khoản tiền là 3.000.000 đồng số biên nhận 044.2019/BN-WP (về việc xác nhận phí đặt cọc đăng ký dịch vụ tư vấn quản lý hồ sơ xin giấy phép lao động Canada). Ngày 05/9/2019, bà H tiến hành ký hợp đồng dịch vụ số 1908063/UNC-WP, biên nhận tiền thanh toán lần 1 là 93.040.000 đồng với nội dung xác nhận phí lần 1 của hợp đồng dịch vụ tư vấn quản lý hồ sơ xin giấy phép lao động Canada theo đó Cty U đại diện bà H liên lạc với những chuyên gia tư vấn nước ngoài tiến hành các thủ tục theo luật di trú Canada để tìm kiếm công việc cho bà theo các tiêu chí như sau: công việc phục vụ nhà hàng, khách sạn tại nước Canada. (điều 2 của hợp đồng).

Thời hạn Cty U cam kết tìm việc cho bà là 06 tháng kể từ khi ký kết hợp đồng tuy nhiên hết thời hạn nêu trên bên phía Cty U không tìm được việc nên bà đã đồng ý cho gia hạn thêm 06 tháng nữa là đến ngày 05/3/2020; nhưng hết thời gian gia hạn nhưng Cty U không tìm được việc cho bà, vì vậy căn cứ theo điều 5 của hợp đồng bà yêu cầu phía Cty U hoàn trả lại số phí mà tôi đã nộp lần 1.

Ngày 27/5/2020, Cty U có giới thiệu cho bà 01 công việc làm bếp ở Saskatchewan, thuộc Canada, công việc mà bà không có kinh nghiệm và ngành nghề đã từng làm nên đã gửi email từ chối. Ngày 04/09/2020, bà gửi email yêu cầu phía Cty U thanh lý hợp đồng theo yêu cầu của bộ phận xử lý hồ sơ để có cơ sở báo cáo lên lãnh đạo Công ty nhưng vẫn không nhận được thông tin xác nhận. Ngày 08/09/2020, bà tiếp tục gửi email lần 2 cho phía công ty, nhưng Cty U không phản hồi. Sau đó bà tiếp tục gửi Đơn Đề Nghị yêu cầu thanh lý hợp đồng dịch vụ vào ngày 16/09/2020 và bị trả về ngay ngày hôm sau 17/09/2020.

Ngày 17/9/2020, bà đã trực tiếp đến Cty U để trao đổi và làm rõ vấn đề nhưng phía công ty đã từ chối gặp mặt cùng ngày bà nhận được một email có nội dung trốn tránh, đùn đẩy trách nhiệm và thách thức từ phía công ty. Ngày 18/9/2020, bà viết thông báo yêu cầu hoàn trả lại số tiền thanh toán lần 1 là

93.040.000 VNĐ (chín mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng), trong thời hạn 10 ngày nếu Cty U không hoàn trả số tiền nêu trên bà sẽ làm đơn khởi kiện, phía Cty U cũng từ chối không nhận đơn và nhân viên bưu điện điện thoại kêu tôi ra bưu cục nhận lại đơn với lý do thư không gửi đi được. Ngày 21/9/2020, bà chuẩn bị hoàn thiện hồ sơ để nộp đơn khởi kiện, tôi tiến hành lên Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tp Hồ Chí Minh xin cung cấp thông tin của công ty TNHH U thì mới phát hiện ngành nghề đăng ký không có ngành nghề cung ứng và quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài..

Nay Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy hợp đồng dịch vụ số 1908063/UNC-WP, ngày 05/9/2020 mà bà Lâm Thu H đã ký kết với Cty U ký kết vì công ty không có đăng ký trong giấy phép ngành nghề 78302: cung ứng và quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài (xin giấy phép lao động tại Canada).

- Buộc Cty U hoàn trả lại cho bà số tiền là 93.040.000 VNĐ (chín mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) là phí dịch vụ thanh toán lần 1 bà đã thanh toán cho Cty U theo hợp đồng.

Bị đơn là công ty TNHH U đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo dời ngày xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ kèm theo, đồng thời vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Hủy hợp đồng dịch vụ số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2020, vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền phí dịch vụ lần 1 mà nguyên đơn đã thanh toán theo hợp đồng là 93.040.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, về thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án;

- Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng; Bị đơn vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ của đương sự;

- Đề nghị đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dịch vụ, bị đơn có trụ sở tại Quận 1, căn cứ điểm Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b Khoản 2 điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét: Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ, nhưng vẫn không giao nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ do Nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4] Xét Nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ (Tư vấn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019 là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền phí dịch vụ nguyên đơn đã thanh toán lần 1 theo hợp đồng hợp đồng dịch vụ (Tư vấn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019 là 93.040.000 đồng

[5] Xét: Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng dịch vụ (Tư vấn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP và nguyên đơn đã thực hiện việc thanh toán phí dịch vụ

lần 1 của hợp đồng số tiền 93.040.000 đồng cho bị đơn theo biên nhận số 036.2019/BN-WP ngày 05/9/2019.

[6] Xét: hợp đồng dịch vụ (Tur vãn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019 là hợp đồng dịch vụ theo đó nội dung phạm vi công việc của bị đơn được xác định tại Điều 2 của hợp đồng là hoạt động cung cấp dịch vụ việc làm của doanh nghiệp được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 quy định điều kiện, thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (Nghị định 52); do đó bị đơn kinh doanh dịch vụ cung cấp dịch vụ việc làm phải có giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm do cơ quan quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Bộ Luật Lao động năm 2012 và đáp ứng điều kiện, thủ tục đăng ký cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm quy định tại Nghị định 52; căn cứ văn bản 8502/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc cung cấp thông tin của Sở Lao động thương binh và xã hội Tp. Hồ Chí Minh thể hiện việc bị đơn chưa thực hiện việc đăng ký giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm theo quy định pháp luật nêu trên nên có cơ sở xác định bị đơn không có năng lực pháp luật dân sự để giao kết hợp đồng dịch vụ (Tur vãn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP.

[7] Xét: nhận định tại mục [6] có cơ sở xác định hợp đồng dịch vụ (Tur vãn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019 giao kết giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 117, Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Xét do hợp đồng dịch vụ (Tur vãn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019 là vô hiệu do đó việc xem xét giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 là cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; theo đó quyền và nghĩa vụ các bên theo hợp đồng không phát sinh và các bên phải hoàn trả những gì đã nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền phí dịch vụ thanh toán lần 1 đã nhận là 93.040.000 đồng cho nguyên đơn; đồng thời trong quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến chi phí dịch vụ thực tế đã thực hiện cho nguyên đơn để xác định thiệt hại phát sinh liên quan đến quá trình thực hiện hợp đồng nên không có cơ sở để xem xét yếu tố lỗi dẫn đến hợp đồng vô hiệu để giải quyết thiệt hại phát sinh nếu có.

[9] Từ cơ sở nhận định tại các mục [5], [6], [7] và [8] cần tuyên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả lại số tiền phí dịch vụ thanh toán lần 1 hợp đồng dịch vụ (Tư vấn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019 đã nhận là 93.040.000 đồng cho nguyên đơn

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả theo yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận là 4.652.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.326.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030113 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[11] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 203, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 14 Bộ Luật Lao động năm 2012; điểm a Khoản 1 Điều 117, Điều 122, Khoản 1, Khoản 2 Điều 131, Khoản 2 Điều 468, điểm b Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Luật thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thu H yêu cầu yêu cầu hủy hợp đồng dịch vụ (Tư vấn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH U hoàn trả lại số tiền phí dịch vụ thanh toán lần 1 của hợp đồng dịch vụ (Tư vấn quản lý hồ sơ di trú giấy phép lao động Canada) số 1908063/UNC-WP ngày 05/9/2019 là 93.040.000 đồng cho bà Lâm Thu H.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH U phải chịu án phí là 4.652.000 đồng. Bà Lâm Thu H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.326.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0030113 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Bà Lâm Thu H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty TNHH U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Sỹ Hùng